TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2023/DS-ST
Ngày: 05-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên
Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Phường V, Quận B, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Phường V, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo Văn bản ủy quyền số 682/2022/UQ-TGĐ ngày 03/11/2022 và số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022; địa chỉ liên lạc: Phường V, Quận B, Thành phố H, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Phương T, sinh năm 1992; địa chỉ: Phường A, quận G, Thành phố H, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 29/12/2022 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Đức T trình bày:

Bà Bùi Thị Phương T ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa có hạn mức tín dụng sử dụng là 25.000.000 đồng cho bà Bùi Thị Phương T, lãi suất là 2,4%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ, bà Bùi Thị Phương T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 51.496.530 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Bùi Thị Phương T đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 51.717.131 đồng; thứ tự thanh toán căn cứ theo quy định tại Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở, bà Bùi Thị Phương T vẫn không thực hiện thanh toán các khoản nợ còn lại cho ngân hàng nên đã vi phạm Điều 18 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Do đó, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Bùi Thị Phương T ngày 06/9/2021 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Theo đối chiếu bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng, bà Bùi Thị Phương T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền 23.433.128 đồng (trong đó nợ gốc là 11.185.094 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.248.034 đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện, yêu cầu bà Bùi Thị Phương T phải trả ngay cho nguyên đơn tổng số nợ tạm tính đến ngày 14/6/2023 là 23.433.128 đồng, trong đó nợ gốc là 11.185.094 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.248.034 đồng; ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bà Bùi Thị Phương T phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 15/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Bùi Thị Phương T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Bùi Thị Phương T không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của bà Bùi Thị Phương T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Sau khi được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Bùi Thị Phương T theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Bùi Thị Phương T có vay tiền qua sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S có giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do bà Bùi Thị Phương T không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện.

Tòa án đã xác minh địa chỉ cư trú của bà Bùi Thị Phương T tại Công an Phường A, quận G, Thành phố H, kết quả xác minh bà Bùi Thị Phương T đã chuyển đi đâu không rõ, từ đó có cơ sở xác định địa chỉ Phường A, quận G, Thành phố H là địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn. Do bà Bùi Thị Phương T cư trú tại quận G, Thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho bà Bùi Thị Phương T, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Bùi Thị Phương T.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Bùi Thị Phương T và Ngân hàng Thương mại cổ phần S có thỏa thuận vay tài sản thể hiện trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/12/2019. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 30/12/2019 được ký giữa bà Bùi Thị Phương T với Ngân hàng Thương mại cổ

phần S cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét Ngân hàng Thương mại cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa có hạn mức tín dụng sử dụng là 25.000.000 đồng cho bà Bùi Thị Phương T, lãi suất là 2,4%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Bùi Thị Phương T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.496.530 đồng; thứ tự thanh toán căn cứ theo quy định tại Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Do bà Bùi Thị Phương T không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất, các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Bùi Thị Phương T đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 51.717.131 đồng, sau đó bà không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở, bà Bùi Thị Phương T vẫn không thực hiện thanh toán các khoản nợ còn lại cho ngân hàng nên đã vi phạm Điều 18 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Do đó, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Bùi Thị Phương T ngày 06/9/2021 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Như vậy, bà Bùi Thị Phương T đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/6/2023 là 23.433.128 đồng, trong đó nợ gốc là 11.185.094 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.248.034 đồng và tiền nợ lãi phát sinh sau đó trên nợ gốc còn nợ cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 504/2023/QĐ-CCTLCC ngày 12/4/2023 cho bà Bùi Thị Phương T, yêu cầu bị đơn cung cấp bản sao toàn bộ tài liệu, chứng cứ về việc ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng, quá trình thanh toán nợ, số tiền đã trả, số tiền còn nợ và những tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến tranh chấp giữa bị đơn với nguyên đơn trong vụ án nhưng bà Bùi Thị Phương T không có ý kiến phản hồi cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này*", theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín*

dụng theo quy định của pháp luật". Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất và phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/12/2019 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà Bùi Thị Phương T vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Cần buộc bà Bùi Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/6/2023 là 23.433.128 đồng, trong đó nợ gốc là 11.185.094 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.248.034 đồng; kể từ ngày 15/6/2023, bà Bùi Thị Phương T vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày bà Bùi Thị Phương T thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký; thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí Tòa án của Chính phủ, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn bà Bùi Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ mà bà Bùi Thị Phương T phải trả. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- Buộc bà Bùi Thị Phương T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/6/2023 là 23.433.128 (Hai mươi

ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn một trăm hai mươi tám) đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), trong đó nợ gốc là 11.185.094 (Mười một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn không trăm chín mươi bốn) đồng, nợ lãi quá hạn là 12.248.034 (Mười hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn không trăm ba mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 15/6/2023, bà Bùi Thị Phương T vẫn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày bà Bùi Thị Phương T thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/12/2019 các bên đã ký.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên mà bà Bùi Thị Phương T không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Phương T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.171.656 (Một triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi sáu) đồng đối với khoản nợ mà bà Bùi Thị Phương T phải trả là 23.433.128 (Hai mươi ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn một trăm hai mươi tám) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 502.948 (Năm trăm lẻ hai nghìn chín trăm bốn mươi tám) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0012550 ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S, bị đơn bà Bùi Thị Phương T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Tám